

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHONG TRÀO RÈN LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

EVALUATE THE STATUS OF THE PRACTICE SPORT OF STUDENT AT UNIVERSITY OF FINANCE – MARKETING

TÓM TẮT: Qua quá trình khảo sát và sử dụng các phương pháp nghiên cứu, bài báo đã xác định lựa chọn được 13 tiêu chí đánh giá thực trạng phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên Trường Đại học Tài chính -Marketing. Thông qua các tiêu chí đã đánh giá được các mặt về thực trạng như: Công tác tổ chức quản lý, nguồn nhân lực, kinh phí hoạt động, số lượng sinh viên tham gia hoạt động, thể lực của sinh viên. Đây là các cơ sở khoa học khách quan hỗ trợ cho các nhà quản lý trong việc phát triển phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên Trường.

TỪ KHÓA: Đánh giá thực trạng; phong trào rèn luyện Thể dục Thể thao; sinh viên.

ABSTRACT: Through the process of surveying and using research methods, the article has identified and selected 13 criteria to evaluate the status of the practice sport of students at University of Finance - Marketing. Through the criteria, aspects of the current situation have been evaluated such as: Organizational management, human resources, operating budget, the number of students participating in activities, the physical fitness of students. These are objective scientific bases that support managers in developing the practice sport of the university's students.

KEYWORDS: Assessing the current situation; Sports training movement; University of Finance and Marketing.

**PHAN THANH MỸ
PHẠM THANH GIANG**
Trường Đại học Tài chính-Marketing

**PHAN THANH MY
PHAM THANH GIANG**
University of Finance -Marketing

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lao động sản xuất là hoạt động cơ bản của TDTT, đó là cơ sở sinh tồn của tất cả các hoạt động trong mọi lĩnh vực đời sống. Quá trình phát triển của khoa học kỹ thuật, nhu cầu hưởng thụ về vật chất tinh thần, TDTT đã trở thành một lĩnh vực tương đối độc lập. Có hệ thống hoạt động của 2 yếu tố nền tảng tạo nên là: khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, TDTT là tổng thể những giá trị có tính đối tượng rõ những thành tựu về vật chất, tinh thần và thể chất do xã hội tạo nên. Ngày nay những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá trình độ TDTT là:

trình độ sức khỏe, trình độ phổ cập của việc phát triển TDTT cho mọi người, sự nghiệp TDTT, các chủ trương chính sách chế độ về TDTT. Như vậy, phát triển phong trào TDTT trong sinh viên là một bộ phận của công tác TDTT trường học, một loại hình hoạt động song hành với giảng dạy giáo dục thể chất (GDTC) chính khóa, góp phần duy trì, tăng cường thể chất, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên.

Trường Đại học Tài chính - Marketing đã và đang thực hiện rất tốt công tác giảng dạy GDTC chính khóa và tổ chức huấn luyện các đội tuyển sinh

**BẢNG 1: KẾT QUẢ THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO RÈN LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA SINH VIÊN (n=12)**

TT	TIÊU CHÍ	SỐ NGƯỜI ĐỀ XUẤT	TỈ LỆ (%)	MÃ HÓA
1	Tổ chức quản lý xúc tiến hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	10	83.0	TC1
2	Nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	7	58.0	TC2
3	Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	12	100.0	TC3
4	Kinh phí hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên/năm	9	75.0	TC4
5	Tham gia và tổ chức hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	8	67.0	TC5
6	Câu lạc bộ TDTT sinh viên	11	92.0	TC6
7	Số lượng sinh viên tập luyện TDTT thường xuyên	12	100.0	TC7
8	Hoạt động hỗ trợ sinh viên tham gia phong trào rèn luyện TDTT	9	75.0	TC8
9	Nội dung và hình thức phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	8	67.0	TC9
10	Số đội thể thao phong trào tham gia thi đấu hàng năm	10	83.0	TC10
11	Số công trình phục vụ cho phong trào rèn luyện TDTT sinh viên	12	100.0	TC11
12	Số cộng tác viên TDTT	7	58.0	TC12
13	Chất lượng hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên hàng năm	7	58.0	TC13
14	Sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường đến phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	9	75.0	TC14
15	Nhu cầu rèn luyện TDTT của sinh viên	10	83.0	TC15
16	Động cơ tham gia rèn luyện TDTT của sinh viên	9	75.0	TC16
17	Thời gian của sinh viên cho hoạt động TDTT	7	58.0	TC17
18	Sự hài lòng của sinh viên về phong trào TDTT của trường	11	92.0	TC18
19	Thực trạng thể lực của sinh viên	12	100.0	TC19

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

viên, nhưng về ý thức tự rèn luyện TDTT của sinh viên còn nhiều hạn chế, số lượng sinh viên tập luyện TDTT chiếm tỉ lệ thấp, do nhiều nguyên nhân khác nhau như: sinh viên không có thời gian (do học nhiều); sinh viên không thích tập thể thao; công tác quản lý, chỉ đạo phát triển phong trào rèn luyện TDTT sinh viên trong trường còn nhiều hạn chế, kém hiệu quả, ... Xuất phát từ những vấn đề trên và với mong muốn góp phần nghiên cứu tìm ra nguyên nhân về những hạn chế trong hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên, nên nghiên cứu đã chọn “Đánh giá

thực trạng phong trào rèn luyện thể dục thể thao của sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing”. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở để lựa chọn một số giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sinh viên tích cực tự rèn luyện TDTT.

Phương pháp nghiên cứu:

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp toán thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

+ Khách thể khảo sát: 30 giảng viên, viên chức có liên quan đến hoạt động phong trào

TDTT sinh viên

+ Khách thể kiểm tra sự phạm: 800 nam, nữ sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Tài chính -Marketing.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Xác định tiêu chí đánh giá phong trào rèn luyện thể dục thể thao cho sinh viên Đại học Tài chính – Marketing

Xác định các tiêu chí đánh giá ngoài việc tham khảo tài liệu, nghiên cứu còn thực hiện các bước sau đây:

- Thiết kế phiếu phỏng vấn nhằm thu thập thông tin;
- Tiến hành phỏng vấn lựa

chọn các tiêu chí;
 - Kiểm nghiệm mức độ phù hợp (độ tin cậy) khi lựa chọn các tiêu chí;

- Xác định các tiêu chí phù hợp ứng dụng vào đánh giá.

2.1.1. Kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá của khách thể phỏng vấn

Phiếu phỏng vấn được thiết kế và gửi đến 12 người là giảng viên giảng dạy và tham gia các hoạt động phong trào TĐTT; các viên chức có liên quan đến các hoạt động TĐTT trong trường học. Kết quả thu thập ở bảng 1 cho thấy có từ 7 đến 12

ý kiến đề cập đến các tiêu chí được trình bày ở trên, chiếm tỷ lệ từ 58.0% – 100.0%. Đây là dấu hiệu ban đầu cho thấy các tiêu chí này được sử dụng để đánh giá phong trào rèn luyện TĐTT của sinh viên ở các Trường Đại học, Cao đẳng nói

BẢNG 2. KẾT QUẢ PHỎNG VẤN LỰA CHỌN CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO PHONG TRÀO RÈN LUYỆN TĐTT CỦA SINH VIÊN (n=30)

MÃ HÓA	TIÊU CHÍ	MỨC ĐO	KIỂM NGHIỆM ĐỘ TRÙNG LẬP			ASYMP. SIG. (2-SIDED)
			Tỷ lệ lựa chọn	Lần 1	Lần 2	
TC1	Tổ chức quản lý hoạt động phong trào rèn luyện TĐTT của sinh viên	Cần thiết	n	28	27	.640
			%	93.3	90	
		Không cần thiết	n	2	3	
			%	6.7	10	
TC2	Nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động phong trào rèn luyện TĐTT của sinh viên	Cần thiết	n	26	28	.389
			%	86.6	93.3	
		Không cần thiết	n	4	2	
			%	13.3	6.7	
TC3	Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động Phong trào rèn luyện TĐTT của sinh viên	Cần thiết	n	29	30	.313
			%	96.7	100.0	
		Không cần thiết	n	1	0	
			%	3.3	0.0	
TC4	Kinh phí hoạt động Phong trào rèn luyện TĐTT của sinh viên/năm	Cần thiết	n	25	27	.448
			%	83.3	90.0	
		Không cần thiết	n	5	3	
			%	16.7	10.0	
TC5	Tham gia và tổ chức hoạt động phong trào rèn luyện TĐTT của sinh viên	Cần thiết	n	6	10	.243
			%	20.0	33.3	
		Không cần thiết	n	24	20	
			%	80.0	66.7	
TC6	Câu lạc bộ TĐTT sinh viên	Cần thiết	n	30	29	.313
			%	100.0	96.7	
		Không cần thiết	n	0	1	
			%	0.0	3.3	
TC7	Số lượng sinh viên tập luyện TĐTT thường xuyên	Cần thiết	n	28	28	1.0
			%	93.3	93.3	
		Không cần thiết	n	2	2	
			%	6.7	6.8	
TC8	Hoạt động hỗ trợ sinh viên tham gia phong trào rèn luyện TĐTT	Cần thiết	n	11	15	.297
			%	36.7	50.0	
		Không cần thiết	n	19	15	
			%	63.3	50.0	



TC9	Nội dung và hình thức hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	Cần thiết	n	26	26	1.0
			%	86.7	86.7	
		Không cần thiết	n	4	4	
			%	13.3	13.3	
TC10	Số đội thể thao phong trào tham gia thi đấu hàng năm	Cần thiết	n	28	27	.640
			%	93.3	90.0	
		Không cần thiết	n	2	3	
			%	6.7	10.0	
TC11	Số công trình phục vụ cho phong trào rèn luyện TDTT sinh viên	Cần thiết	n	16	12	.301
			%	53.3	40.0	
		Không cần thiết	n	14	18	
			%	46.7	60.0	
TC12	Số cộng tác viên TDTT	Cần thiết	n	7	14	.058
			%	23.3	46.7	
		Không cần thiết	n	23	16	
			%	76.7	53.3	
TC13	Chất lượng hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên hàng năm	Cần thiết	n	9	17	.037
			%	30.0	56.7	
		Không cần thiết	n	21	13	
			%	70.0	43.3	
TC14	Sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường đến phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên	Cần thiết	n	14	13	.438
			%	46.7	56.7	
		Không cần thiết	n	16	17	
			%	53.3	43.3	
TC15	Nhu cầu rèn luyện TDTT của sinh viên	Cần thiết	n	29	29	1.0
			%	96.7	96.7	
		Không cần thiết	n	1	1	
			%	3.3	3.3	
TC16	Động cơ tham gia rèn luyện TDTT của sinh viên	Cần thiết	n	25	27	.448
			%	83.3	90.0	
		Không cần thiết	n	5	3	
			%	16.7	10.0	
TC17	Thời gian của sinh viên dành cho hoạt động TDTT	Cần thiết	n	25	27	.448
			%	83.3	90.0	
		Không cần thiết	n	5	3	
			%	16.7	10.0	
TC18	Sự hài lòng của sinh viên về phong trào TDTT của trường	Cần thiết	n	24	26	488
			%	80.0	86.7	
		Không cần thiết	n	6	4	
			%	20.0	13.3	
TC19	Thực trạng thể lực của sinh viên	Cần thiết	n	30	30	
			%	100.0	100.0	
		Không cần thiết	n	0	0	
			%	0.0	0.0	

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

chung cũng như Trường Đại học Tài chính -Marketing nói riêng.

2.1.2. Tiến hành phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí

Từ kết quả trên, nghiên cứu tiến hành tổng hợp các tiêu chí và thiết kế phiếu phỏng vấn. Mục đích là phỏng vấn lựa chọn đầy đủ các tiêu chí cần thiết và phù hợp với đặc điểm của Trường Đại học Tài chính -Marketing để đánh giá thực trạng phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên. Quy ước tổng kết quả sau 2 lần phỏng vấn có mức độ lựa chọn cần thiết từ 80% trở lên và có Sig. > 0.05 (p=0.05) sẽ được sử dụng vào nghiên cứu. Kết quả sau 2 lần phỏng vấn ở bảng 2 cho thấy: số phiếu phát ra là 30, số phiếu thu về là 30, số phiếu hợp lệ được đưa vào xử lý đạt tỉ lệ 100 %. Qua tính toán ở bảng 2 cho thấy có 13/19 tiêu chí được các giảng viên, viên chức có liên quan đến hoạt động phong trào TDTT trường học cho rằng cần thiết để làm tiêu chí đánh giá phong trào rèn luyện TDTT cho sinh viên với tổng tỷ lệ lựa chọn ở mức cần thiết sau 2 lần phỏng vấn đạt từ 80.0% đến 100.0% và có sig. đạt từ 0.313 đến 1.0 > 0.05 (ngưỡng xác suất p = 0.05) gồm 13 tiêu chí: TC1, TC2, TC3, TC4, TC6, TC7, TC9, TC10, TC15, TC16, TC17, TC18 và TC19. Có 4 tiêu chí ít có sự lựa chọn sau 2 lần phỏng vấn ở mức cần thiết dưới 80.0% gồm 6 tiêu chí: TC5, TC8, TC11, TC12, TC13, TC14.

Như vậy, căn cứ vào kết quả phỏng vấn, nghiên cứu đã lựa

chọn được 13 tiêu chí được các giảng viên, viên chức đánh giá ở mức cần thiết cao và phù hợp để đưa vào ứng dụng đánh giá thực trạng phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên.

2.2. Đánh giá thực trạng phong trào rèn luyện thể dục thể thao của sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing

2.2.1. Tổ chức quản lý, kinh phí và nguồn nhân lực cho hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên

- Về tổ chức quản lý hoạt động phong trào thể thao sinh viên: kết quả khảo sát và thu thập thông tin trên 800 sinh viên cho thấy, hiện nay các hoạt động rèn luyện TDTT của sinh viên được diễn ra theo hình thức tự do và tự phát, nguyên nhân là do sinh viên ở nhiều nơi khác nhau như: ở kí túc xá chiếm tỉ lệ 39,8%, ở nhà trọ chiếm tỉ lệ 52,4%, và ở nhà riêng chiếm tỉ lệ 7,8%. Vì thế cho nên Nhà trường không tổ chức quản lý các hoạt động tự phát này, chỉ có một số ít sinh viên trong đội tuyển thể thao tham gia các CLB thì do các huấn luyện viên quản lý.

- Về kinh phí hoạt động rèn luyện TDTT của sinh viên: Hiện nay kinh phí chỉ dành cho các đội tuyển thể thao đại diện cho trường tham gia thi đấu các giải sinh viên mở rộng, sinh viên toàn thành, giải sinh viên toàn quốc, ... Tùy theo tính chất và mức độ tham gia giải Nhà trường sẽ duyệt kinh phí phù hợp. Còn về kinh phí dành cho các hoạt động phong trào TDTT trong trường hàng năm là khoảng 40.000.000đ (bốn

mươi triệu đồng).

- Về nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên: Với số lượng 25 giảng viên toàn khoa thì trong đó có 12 giảng viên thuộc bộ môn giáo dục quốc phòng và an ninh, còn lại 13 giảng viên thuộc bộ môn giáo dục thể chất. Hiện nay các hoạt động phong trào TDTT được lãnh đạo Nhà trường giao cho Khoa Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất (chủ yếu là bộ môn giáo dục thể chất) kết hợp với Phòng Công tác sinh viên và Đoàn thanh niên đảm trách. Nhưng chủ yếu là tổ chức quản lý các đội tuyển và tổ chức giải phong trào sinh viên trong trường hàng năm, còn việc tập luyện ngoài câu lạc bộ thì không có sự hỗ trợ từ phía đội ngũ này.

2.2.2. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động phong trào rèn luyện thể dục thể thao cho sinh viên

Kết quả thu thập, khảo sát các cơ sở của Trường Đại học Tài chính-Marketing ở bảng 3 cho thấy hiện nay có 4 cơ sở đóng trên địa bàn 3 quận, Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Ở Thành phố Thủ Đức có 2 cơ sở tại địa chỉ số B2/1A, Đường số 385, Phường Tăng Nhơn Phú A và số 306 Võ Văn Hát, Phường Long Trường; Cơ sở Quận 7 tại địa chỉ số 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây; Cơ sở Quận Phú Nhuận tại số 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4. Trong 4 cơ sở này thì chỉ có 3 cơ sở được sử dụng giảng dạy giáo dục thể chất cho sinh viên, còn cơ sở ở địa chỉ Quận Phú Nhuận chỉ phục vụ cho viên chức, người lao động của trường tập luyện.

**BẢNG 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG PHÒNG TRÀO RÈN LUYỆN TDTT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING**

CƠ SỞ CỦA TRƯỜNG	LOẠI SÂN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH (m ²)	CHẤT LƯỢNG
Thành phố Thủ Đức (phường Tân Nhơn Phú A)	Hồ bơi	1	450	Tốt
	Nhà tập cầu lông	1	420	Trung bình
	Phòng tập võ	1	160	Trung bình
	Phòng tập bóng bàn	1	80	Trung bình
	Sân bóng chuyên	2	324	Khá
	Sân bóng rổ	1	420	Trung bình
	Sân bóng đá	1	800	Trung bình
Thành phố Thủ Đức (phường Long Trường)	Phòng tập võ	1	216	Tốt
	Phòng tập bóng bàn	1	180	Tốt
	Phòng tập thể dục nhịp điệu	1	240	Tốt
	Sân quần vợt	2	520	Khá
Quận 7	Phòng tập bóng bàn	1	240	Kém
	Phòng tập võ và thể dục	1	240	Kém
	Sân đa năng	1	484	Trung bình
Quận Phú Nhuận	Nhà tập cầu lông	1	200	Tốt
	Sân quần vợt	1	260,75	Tốt

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

BẢNG 4: HÌNH THỨC RÈN LUYỆN TDTT CỦA SINH VIÊN (n=800)

HÌNH THỨC TẬP LUYỆN	TỔNG SỐ SINH VIÊN THAM GIA PHÒNG VẤN		GIỚI TÍNH			
	n	%	Nam	Nữ	Nam	Nữ
			n	%	n	%
Tại các câu lạc bộ	97	12.1	56	57.7	41	42.3
Theo nhóm	158	19.8	38	24.1	120	75.9
Tự tập	256	32.0	42	16.4	214	83.6
Không tập	289	36.1	63	21.8	226	78.2
Tổng	800	100.0	199	24.9	601	75.1

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Với mục đích là phục vụ giảng dạy chính khóa, nên các phòng tập, nhà tập khi hết giờ học sẽ đóng cửa, nên sinh viên chỉ được sử dụng một số sân bãi ngoài trời. Và lại, khi khảo sát sinh viên (thông qua phỏng vấn) về việc lựa chọn nội dung (các môn thể thao) để rèn luyện sức khỏe thì có đến 57% chọn chạy bộ, đi bộ; 7% chọn bơi lội, 6,3% chọn cầu lông, 29,7% còn lại thì chọn các môn khác như: bóng đá, bóng bàn, bóng

rổ, bóng chuyên, gym, các môn võ, ... Với việc lựa chọn các môn thể thao và là đa phần sinh viên ở nhà trọ (52,4%) nên sinh viên ít sử dụng các sân bãi hiện có của trường, có một bộ phận sinh viên tham gia các câu lạc bộ ngoài trường gần nơi cư trú.

2.2.3. Câu lạc bộ thể thao và số lượng đội tham gia thi đấu phong trào

- Câu lạc bộ TDTT: Hiện nay Trường đã thành lập 5 câu lạc bộ TDTT dành cho sinh viên

gồm: Bóng chuyên, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông, võ thuật. Nhưng các câu lạc bộ này chủ yếu là dành cho sinh viên thuộc thành phần đội tuyển của trường tham gia tập luyện thi đấu khi có giải, nên số lượng sinh viên tham gia tập luyện tại các câu lạc bộ này tương đối hạn chế.

- Về hình thức và số lượng sinh viên tham gia rèn luyện TDTT: Ở bảng 4 cho thấy, có 97 sinh viên tham gia tại các câu lạc bộ,

BẢNG 5. KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU, ĐỘNG CƠ VÀ SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN KHI THAM GIA PHONG TRÀO RÈN LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO (n=800)

TT	CÂU HỎI	MỨC ĐO	n	%
1	Em nhận thức thế nào về tầm quan trọng của việc rèn luyện TDTT đối với bản thân?	Quan trọng	287	35.9
		Bình thường	398	49.8
		Không quan trọng	115	14.4
2	Em có nhu cầu rèn luyện TDTT không?	Có	670	83.8
		Không	130	16.3
3	Động cơ rèn luyện TDTT của em?	Có sức khỏe	504	63.0
		Có thể hình đẹp	83	10.4
		Giảm căng thẳng	60	7.5
		Trau dồi kỹ năng góp phần học tốt môn GDTC	34	4.3
		Được cộng điểm rèn luyện	66	8.3
		Có cơ hội vào đội tuyển trường	12	1.5
		Cho vui với bạn	0	0.0
		Cha, mẹ bắt buộc	0	0.00
		Không biết làm gì, tham gia tập thể thao	0	0.0
4	Sự hài lòng của em về việc tham gia phong trào rèn luyện TDTT của trường?	Động cơ khác	41	5.1
		Rất hài lòng	0	0.0
		Hài lòng	362	45.3
		Bình thường	346	43.3
		Không hài lòng	92	11.5
		Rất không hài lòng	0	0.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

chiếm 12.1%; có 158 sinh viên tham gia tập luyện theo nhóm (không có người hướng dẫn), chiếm tỉ lệ 19.8%; có 256 sinh viên tự tập luyện theo sở thích cá nhân, chiếm tỉ lệ 32.0% và số lượng sinh viên không tham gia tập luyện tương đối cao với 289 người, chiếm tỉ lệ 36.1%:

- Về số lượng đội tham gia các môn: Trong năm học 2019 đến năm 2021 do những vấn đề liên quan tới dịch bệnh nên trường không tổ chức các hoạt động phong trào TDTT cho sinh, đến năm 2022, 2023 phong trào TDTT trong sinh viên được hoạt động trở nhưng chỉ tổ chức ở cấp đơn vị. Cụ thể, Trung tâm Quản lý ký túc xá đã tổ chức

giải bóng đá 5 người và bóng chuyền cho sinh viên ở ký túc xá với số lượng đăng ký mỗi môn gồm 8 đội (4 đội nam và 4 đội nữ)

2.2.4. Nhu cầu, động cơ và sự hài lòng của sinh viên tham gia phong trào rèn luyện thể dục thể thao

Qua bảng 5 cho thấy:

- Khi hỏi về nhận thức của sinh viên thế nào về tầm quan trọng của việc rèn luyện TDTT đối với bản thân thì có 287 sinh viên cho là quan trọng, chiếm tỉ lệ 35.9%; có 398 sinh viên cho là bình thường, chiếm tỉ lệ 49.8% và cũng có đến 115 sinh viên cho là không quan trọng, chiếm tỉ lệ 14.4%.

- Khi hỏi về nhu cầu rèn luyện

TDTT thì có 670 sinh viên cho rằng có nhu cầu rèn luyện TDTT, chiếm tỉ lệ 83.8% và còn lại 16.3% sinh viên cho rằng không có nhu cầu rèn luyện TDTT cho bản thân.

- Khi hỏi về động cơ rèn luyện TDTT thì có đến 504 sinh viên cho rằng rèn luyện để có sức khỏe, chiếm tỉ lệ 63.0%, còn các động cơ khác chiếm tỉ lệ 27.0%. Điều này cho thấy hiện nay sinh viên đa số cũng quan tâm đến sức khỏe của bản thân.

- Và khi hỏi về sự hài lòng của sinh viên về việc tham gia phong trào rèn luyện TDTT của trường thì có 100.0% đánh giá ở mức hài lòng và bình thường. Không có ý kiến nào đánh giá

**BẢNG 6: KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CỦA NAM SINH VIÊN NĂM I (n=90) VÀ NĂM II (n=86)**

TT	TEST	NĂM HỌC	\bar{x}	σ	CV%
1	Nằm ngửa gập bụng	Năm I	19	3.31	17.58
		Năm II	19.65	3.55	18.05
2	Bật xa tại chỗ	Năm I	212	21.91	10.34
		Năm II	212.75	19.95	9.37
3	Chạy 4 x 10 m	Năm I	11.06	1.55	14
		Năm II	10.89	0.78	7.20
4	Chạy tùy sức 5 phút	Năm I	812	153.59	18.90
		Năm II	895.16	115.04	12.85

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

BẢNG 7: KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CỦA NỮ SINH VIÊN NĂM I (n=300) VÀ NĂM II (n=324)

TT	TEST	NĂM HỌC	\bar{x}	σ	CV%
1	Nằm ngửa gập bụng	Năm I	14	3.80	27.41
		Năm II	14.89	3.67	24.64
2	Bật xa tại chỗ	Năm I	159	19.30	12.11
		Năm II	162.95	20.53	12.60
3	Chạy 4 x 10 m	Năm I	12.27	0.80	6.54
		Năm II	12.27	0.97	7.93
4	Chạy tùy sức 5 phút	Năm I	657	87.56	13.33
		Năm II	687.33	89.49	13.02

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

ở mức rất hài lòng và rất không hài lòng, chiếm tỉ lệ 0.0%.

2.2.5. Thực trạng thể lực của sinh viên Trường Đại học Tài chính-Marketing

Qua bảng 6 cho thấy thực trạng thể lực của sinh viên năm I kém hơn thể lực của sinh viên năm II. Khi xếp loại theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008) cho thấy trong 90 sinh viên năm I thì có 58 sinh viên chưa đạt, chiếm tỉ lệ 64.44%; có 30 sinh viên xếp loại đạt, chiếm tỉ lệ 33.33% và chỉ có 2 sinh viên đạt loại tốt, chiếm tỉ lệ 2.22%. Ở sinh viên năm II thì tỉ lệ chưa đạt chỉ chiếm 11.63%,

tỉ lệ đạt chiếm tỉ lệ 84.88% và tỉ lệ tốt chiếm tỉ lệ 3.49%.

Cũng tương tự như số liệu của nam, thể lực của nữ sinh viên năm II cũng đều tốt hơn sinh viên năm I ở tất cả các test. Khi xếp loại theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT cho thấy, trong 300 sinh viên năm I thì có đến 299 sinh viên chưa đạt, chiếm tỉ lệ 99.67%; chỉ có 1 sinh viên xếp loại đạt, chiếm tỉ lệ 0.33% và không có sinh viên nào đạt loại tốt, chiếm tỉ lệ 0.0%. Nhưng ở sinh viên năm II đã có sự thay đổi, trong đó tỉ lệ sinh viên chưa đạt chỉ còn 52.47%, tỉ lệ sinh viên xếp loại đạt đã tăng lên 46.60% và sinh viên đạt loại tốt chiếm tỉ lệ 0.93%.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đã xác định được 13 tiêu chí đánh giá thực trạng phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên trường Đại học Tài chính-Marketing. Qua kết quả đánh giá theo các tiêu chí đánh giá cho thấy phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên Trường còn nhiều hạn chế và yếu kém. Nhà trường chưa có sự quan tâm đúng mức về hoạt động này và bản thân sinh viên cũng gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia rèn luyện TDTT như: Nơi cư trú, cơ sở vật chất và có đến 16.3% sinh viên được phỏng vấn cho rằng không có nhu cầu rèn luyện TDTT.

Về kết quả đánh giá thể lực

thì cả nam và nữ sinh viên năm II đều tốt hơn sinh viên năm I. Ở nam sinh viên năm I có tỉ lệ 64.44% chưa đạt thì ở sinh viên năm II tỉ lệ này giảm xuống chỉ còn 11.63%. Và thể lực của nữ sinh viên năm I có 99.67% chưa đạt, nhưng ở sinh viên năm II

thì tỉ lệ này giảm xuống còn 52.47% .

Các kết quả nghiên cứu đã được nêu trên sẽ là cơ sở quan trọng giúp cho Nhà trường, các nhà chuyên môn có những định hướng, đề ra những giải pháp phù hợp góp phần phát triển

phong trào rèn luyện TDTT của sinh viên được hiệu quả hơn trong thời gian tới. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 28/11/2023;
ngày phân biện đánh giá: 19/12/2023;
ngày chấp nhận đăng: 21/12/2023)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008, ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.
2. Phạm Thanh Giang (2023), Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao tại Trường Đại học Tài chính – Marketing, Đề tài cơ sở, Mã số: CS-68-22, Trường Đại học Tài chính-Marketing.
3. Phan Thanh Mỹ (2021), Đổi mới nội dung học phần Giáo dục thể chất bắt buộc cho sinh viên Trường Đại học Tài chính-Marketing, Đề tài cơ sở, Mã số: CS-17-20, Trường Đại học Tài chính-Marketing.
4. Võ Nhật Sơn (2022), Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thể dục thể thao tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Đề tài cơ sở, Mã số: T2021.05.1, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Đỗ Vinh – Huỳnh Trọng Khải (2008), Thống kê học trong Thể dục Thể thao, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.